

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 11-5-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.*

Ngày 11/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Người theo pháp luật là ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaihodings Tower, số 210, đường Tr, phường T, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S là ông Trần Hữu T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Hữu T là ông Nguyễn Hùng Tr - Chức vụ: Chuyên viên - Phòng hỗ trợ hoạt động Chi nhánh H.

Địa chỉ: Số 32, đường Nguyễn Công Trứ, phường 1, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th - sinh năm 1966 và ông Phạm Văn M - sinh năm 1966 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Hùng Tr trình bày: Vào ngày 02/8/2019 ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị Kim Th có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD800201910465 ký ngày 02/8/2019; Mục đích vay: Nuôi vịt đẻ; Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 01/8/2020; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12,5% năm; Lãi suất áp dụng theo phương thức thả nổi điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả là 10%/năm. Hình thức thanh toán: Lãi vay và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng. Trong quá trình vay phía bị đơn là ông M, bà Th đã thanh toán được số tiền gốc 212.825 đồng và lãi là 5.728.100 đồng thì ngưng đến nay mà ông M, bà Th không trả nợ cho Ngân hàng nên hồ sơ vay đã quá hạn.

Đồng thời, Ngân hàng và ông M, bà Th có thỏa thuận là Ngân hàng có giữ hộ tài sản ông bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 813455, tờ bản đồ số IV, thửa số 381 và 382, diện tích là 4.740m², được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/2094, tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K do ông Phạm Văn M đứng tên trên giấy.

Nguyễn vọng: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Phạm Văn M phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/5/2021 là 46.632.396 đồng (Trong đó: vốn gốc là 39.787.151 đồng, lãi quá hạn là 6.842.802 đồng và lãi phạt chậm trả là 2.443 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay. Trường hợp phía ông M, bà Th không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp của ông M, bà Th để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Tại bản tự khai đề và biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 bị đơn ông Phạm Văn M trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng là về ngày tháng năm vay, theo hợp đồng tín dụng vay, số tiền vay, lãi suất là đúng thật nên tôi không có ý kiến gì thêm. Vợ chồng tôi có vay tiền của Ngân hàng và từ khi vay đến nay vợ chồng tôi đã đóng lãi và trả gốc cho Ngân hàng như Ngân hàng đã trình bày. Hiện nay, vợ chồng tôi còn thiếu số tiền vốn gốc và tạm tính đến ngày 22/3/2021 là 45.414.263 đồng (Trong đó: vốn gốc là 39.787.159 đồng, lãi quá hạn là 5.624.661 đồng và lãi phạt chậm trả là 2.443 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay. Vợ chồng tôi xin trả 01 lần dứt nợ đối với số tiền trên. Vợ tôi cũng biết Ngân hàng khởi kiện, tôi có nhận thay các văn bản của Tòa gửi cho vợ tôi nhưng do hoàn cảnh vợ tôi đi làm nên không đến Tòa án được.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim Th trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Th nhiều lần nhưng bà vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị Kim Th là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị Kim Th là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông bà đã được tổng đạt hợp lệ vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, hai bên đương sự thừa nhận là bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Phạm Văn M có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh H số tiền vốn gốc là 39.787.151 đồng. Từ khi vay đến nay, phía bà Th và ông M đã thanh toán được số tiền vốn gốc là 212.825 đồng và đóng lãi được 5.728.100 đồng thì ngưng đến nay còn thiếu lại số tiền vốn là 39.787.151 đồng đến nay đã quá hạn mà chưa trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc bà Th và ông M phải trả cho Ngân hàng số nợ trên là có căn cứ.

Đồng thời, theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 11/5/2021 thì ông M và bà Th còn nợ tiền lãi quá hạn là 5.624.661 đồng và lãi phạt chậm trả là 2.443 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông M, bà Th phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 11/5/2021 là 46.632.396 đồng.

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số HĐTD800201910465 ký ngày 02/8/2019 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông M và bà Th không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho

đến nay bên vay là ông M và bà Th đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông M và bà Th phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Do hợp đồng tín dụng số HĐTD800201910465 ký ngày 02/8/2019 là hợp đồng tín chấp nhưng ông M, bà Th có giao cho ngân hàng giữ hộ tài sản là 01 giấy CNQSD đất số C 813455, tờ bản đồ số IV, thửa số 381 và 382, diện tích là 4.740m², được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/2004, tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K do ông Phạm Văn M đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp của ông M, bà Th để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu ông M và bà Th tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị Kim Th, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp đến nhà bà Th tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật nhưng bà không có mặt tại địa phương tại thời điểm tổng đạt nhưng chồng của bà là ông M đã nhận thay bà Th các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao lại cho bà. Đồng thời, ông M đã làm văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình còn bà Th chưa có làm văn bản gửi cho Tòa án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định bà Th đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà Th không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Tuy nhiên, ông M, bà Th được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên không có lý do. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông M, bà Th theo qui định của pháp luật.

Do đó, buộc ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 11/5/2024 là 46.632.396 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn ba chín mươi sáu đồng).

[6] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009654 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th phải nộp án phí là: 46.632.396 đồng x 5% = 2.331.619,8 đồng làm tròn là 2.331.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc bà ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh H số tiền là 46.632.396 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn ba chín mươi sáu đồng) (Trong đó: vốn gốc là 39.787.151 đồng, lãi quá hạn là 6.842.802 đồng và lãi phạt chậm trả là 2.443 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD800201910465 ký ngày 02/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HĐTD800201910465 ký ngày 02/8/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ B - Chi nhánh H thì Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh H có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K xử lý tài sản hợp pháp của ông M, bà Th để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Khi ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 01 giấy CNQSD đất số C 813455, tờ bản đồ số IV, thửa số 381 và 382, diện tích là 4.740m², được UBND huyện G cấp ngày

28/4/2019, tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K cho ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th.

2. Án phí DSST là: 2.331.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng), buộc ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Th phải nộp.

Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H được nhận lại số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009564 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 11/5/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh